

Số :2706/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **6/27/2018**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	570	0.99%
2	BMP	140	0.52%
3	BVH	230	1.21%
4	CII	570	0.94%
5	CTD	140	1.36%
6	CTG	1,240	2.02%
7	DHG	150	0.98%
8	DPM	520	0.56%
9	FPT	1,520	4.23%
10	GAS	320	1.80%
11	GMD	530	0.85%
12	HPG	4,240	10.89%
13	HSG	770	0.60%
14	KDC	410	0.86%
15	MBB	3,320	5.79%
16	MSN	1,390	7.17%
17	MWG	700	5.25%
18	NT2	290	0.54%
19	NVL	990	3.13%
20	PLX	390	1.48%
21	REE	570	1.13%
22	ROS	470	1.35%
23	SAB	320	4.45%
24	SBT	1,110	1.09%
25	SSI	1,080	2.12%
26	STB	5,400	4.05%
27	VCB	1,200	4.45%
28	VIC	1,450	11.20%
29	VJC	750	8.11%
30	VNM	950	10.45%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,592,780,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,599,758,186
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	6,978,186
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	92,400	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 6/27/2018	Kỳ trước/Last period 6/26/2018	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	3	0	3
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	249,900,000	250,200,000	-300,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	15,800	15,998	-198
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,002,594,981,244	4,032,935,022,377	-30,340,041,133
của một lô ETF/per Creation Unit	1,599,758,186	1,613,174,009	-13,415,823
của một chứng chỉ quỹ/per Share	15,997.58	16,131.74	-134.16
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,037.37	1,050.98	-13.61

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM


Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc/CEO